TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 7 N1 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh; Ông Lò Văn Chiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị N, sinh N1: 1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Xuân N1, sinh N1: 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn là chị Hồ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Bùi Xuân N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2013, tại Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vợ chồng chị N, anh N1 sống hạnh phúc đến khoảng từ tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N1 nghi ngờ chị N ngoại tình, anh N1 còn đuổi chị N ra khỏi

nhà. Hai vợ chồng không còn thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng chị không hàn gắn được hạnh phúc. Hiện nay, chị N không còn tình cảm với anh N1 nữa nên chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Chị N và anh N1 có 02 con chung là cháu Bùi Quốc T, sinh ngày 19/4/2014 và cháu Bùi Hải N, sinh ngày 27/01/2020. Hiện nay, chị N có đủ khả năng để nuôi dạy các con và có nguyện vọng được trực tiếp được nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Nếu anh N1 không đồng ý cho chị N nuôi cả hai con thì chị N đồng ý để mỗi người nuôi một con, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Xuân N1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời điểm phát sinh mâu thuẫn đúng như lời khai của chị N. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị N không quan tâm đến chồng con, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện nay, anh N1 không muốn ly hôn nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh N1 cũng nhất trí.

Về con chung: Hiện nay anh N1 có đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc các con và có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Anh N1 không nhất trí giao con cho chị N nuôi.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N1 không có yêu cầu phản tố.

Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án: Hiện nay, chị N và anh N1 đều có khả năng nuôi dạy các con. Theo ý kiến của đại diện cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em là phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu thì chị N và anh N1 có điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con như nhau. Để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của trẻ em cần giao cho chị N và anh N1 mỗi người nuôi 01 người con. Tòa án đã lấy lời khai của cháu Bùi Quốc T, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân nhưng không thành, chị N và anh N1 thống nhất thuận tình ly hôn. Về nuôi con chung sau ly hôn các đương sự không thống nhất được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; của người tham gia tố tụng: Thẩm phán tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, các Điều: 147, 226, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Hồ Thị N, xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị N và anh Bùi Xuân N1. Về con chung: Giao cháu Bùi Quốc T cho anh Bùi Xuân N1 trực tiếp nuôi. Giao cháu Bùi Hải N cho chị Hồ Thị N trực tiếp nuôi. Chị N và anh N1 phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hồ Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị N và anh Bùi Xuân N1. Chị N và anh N1 có cùng địa chỉ nơi cư trú tại tổ thôn Tây Nguyên, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Bùi Xuân N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Khoảng từ tháng 8 N1 2022 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Hiện nay, chị N không còn tình cảm với anh N1 và không muốn tiếp tục chung sống với anh N1 nữa. Giữa chị N và anh N1 không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, không muốn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh N1 không muốn ly hôn nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh N1 cũng nhất trí. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị N và anh N1 thống nhất thuận tình ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh N1.

[2.2] Về con chung: Xét các điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chị N và anh N1 đều có khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, trẻ em là Phòng Lao động Thương bình & xã hội huyện Phong Thổ thì hiện nay anh N1 và chị N đều có công việc ổn định, có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con ngang nhau nên cần giao con cho mỗi người nuôi

một người con. Cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu N hiện nay mới được hơn 3 tuổi, nếu cháu được mẹ quan tâm, chăm sóc hằng ngày sẽ tốt hơn. Xét về nguyện vọng, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc của cha mẹ, để đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho anh N1 trực tiếp nuôi cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh N1, chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh N1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27, của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, các Điều: 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 55, 57, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hồ Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị N và anh Bùi Xuân N1.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Quốc T, sinh ngày 19/4/2014, cho anh Bùi Xuân N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cháu cháu Bùi Hải N, sinh ngày 27/01/2020, cho chị Hồ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh N1, chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hồ Thị N và anh Bùi Xuân N1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Hồ Thị N phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số: AA/2021/0001278, ngày 09/5/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị N đã nộp đủ tiền án phí phải nộp.

3. Quyền kháng cáo: Đương được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Mường So (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh